

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Báo cáo số 153/BC-HĐTĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum và Văn bản số 18/CV-TN ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Công ty Cổ phần Trường Nhật về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (đã chỉnh sửa, bổ sung);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 93/TTr-STNMT ngày 12 tháng 3 năm 2024 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Trường Nhật (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm các đơn vị liên quan

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Quy trình thực hiện, đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Báo cáo đánh giá tác động môi trường để thực hiện dự án trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án (*t/h*);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (*b/c*);
- CT, các PCT UBND tỉnh (*để biết*);
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*t/h*);
- UBND huyện Kon Rẫy (*t/h*);
- UBND xã Đăk Tờ Re (*t/h*);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (*công bố*);
- Trang Thông tin điện tử - Sở Tài nguyên và Môi trường (*công bố*);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tháp

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG
THƯỜNG TẠI ĐIỂM MỎ THUỘC THÔN KON DƠ XING, XÃ ĐẮK TỜ RE,
HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Trường Nhật.

- Địa chỉ liên hệ: Số 641, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Điện thoại: 02606.267.777.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hạnh - Chức vụ: Giám đốc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích đất sử dụng: 54.136,6 m². Trong đó:

+ Diện tích khai thác khoáng sản: 50.000 m².

+ Diện tích sân công nghiệp và công trình phụ trợ: 4.136,6 m².

- Phạm vi dự án: Thực hiện tại thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đưa vào thiết kế khai thác ở thể nguyên khai 81.704,81m³; Trữ lượng khoáng sản sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường đưa vào thiết kế khai thác ở thể nguyên khai 3.539,12 m³.

- Công suất thiết kế khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường ở thể nguyên khai là 8.170,48 m³/năm.

- Công suất thiết kế khai thác khoáng sản sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường ở thể nguyên khai là 353,91 m³/năm.

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 10.054.389.000 VNĐ (Mười tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn đồng).

1.3. Công nghệ sử dụng:

Sử dụng bằng bơm hút cát đặt trên ghe và bè để khai thác khoáng sản cát, sỏi.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Khai trường: Diện tích 50.000 m².
- Khu phụ trợ gồm: Nhà điều hành diện tích 64 m², chiều cao 4,4 m; Nhà vệ sinh diện tích 6 m², chiều cao 3,9 m; Kho lưu trữ chất thải nguy hại diện tích 6 m², chiều cao 3,7 m; sân, đường nội bộ diện tích 399,4 m²; trạm cân diện tích 39,6 m²; đất cây xanh 80 m²; taluy, rãnh thoát nước diện tích 311,6 m².
- Bãi tập kết diện tích 3.230 m².
- Hoạt động của dự án:
 - + Giai đoạn triển khai xây dựng dự án: Giải phóng mặt bằng; tập kết nguyên nhiên vật liệu, máy móc thiết bị; thi công các hạng mục.
 - + Giai đoạn vận hành: Hoạt động khai thác cát, sỏi; bốc xúc tại bãi tập kết; vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ; hoạt động lưu giữ, xử lý chất thải; hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Bụi, khí thải, sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang thảm thực vật; trong quá trình bốc xúc nguyên vật liệu; trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình; từ các phương tiện khai thác, vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ.
- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn thi công và khai thác.
- Sinh khối, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang; từ sinh hoạt của công nhân; từ quá trình xây dựng các hạng mục công trình và quá trình khai thác.
- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa các phương tiện khai thác.
- Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, khai thác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 0,336 m³/ngày đêm. Thành phần: TSS, BOD₅, COD, dầu mỡ, tổng nitơ, vi sinh vật (coliform).
- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị thi công khoảng 0,3 - 0,5 m³/ngày. Thành phần: TSS, dầu mỡ.
- Nước mưa chảy tràn lớn nhất khoảng 527 m³/tháng mùa mưa. Thành phần: Đất, cát, sinh khối thực vật, rác thải sinh hoạt.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 0,336 m³/ngày đêm.

Thành phần: Các chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, dầu mỡ, tổng nitơ, vi sinh vật (Coliform).

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất khoảng 527 m³/tháng mùa mưa. Thành phần nước cuốn theo chứa: TSS, COD, BOD₅, coliform, dầu mỡ.

- Nước lắng cát từ quá trình bơm cát, sỏi lên bãi chứa phát sinh khoảng 0,95 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS.

3.2. Bụi và khí thải

3.2.1. Giai đoạn xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh trong từ các hoạt động giải phóng, san gạt, lu lèn mặt bằng sân công nghiệp, cải tạo nâng cấp đường, đấu nối đường điện; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; hoạt động các các thiết bị thi công xây dựng (máy xúc, ô tô...). Thành phần: Bụi, CO, SO₂, NO₂, VOC...

3.2.2. Giai đoạn hoạt động:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác và vận chuyển cát, sỏi về bãi tập kết; hoạt động xúc bốc tại bãi tập kết và quá trình vận chuyển cát, sỏi đi tiêu thụ. Thành phần: Bụi, CO, NO₂, SO₂, VOC...

3.3. Chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại

3.3.1. Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải phát sinh trong quá trình phát quang, thu dọn mặt bằng khoảng 3,1 tấn. Thành phần: Sinh khối cây bụi, chuối, dây leo,...

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 5,6 kg/ngày. Thành phần: Thức ăn thừa, vỏ trái cây, bì nylon, lon nước, chai nhựa,...

- Chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 34 kg. Thành phần: Bao bì xi măng, gạch vỡ, đầu sắt thép thừa,...

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 3 kg. Thành phần: Giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân khoảng 5,6 kg/ngày. Thành phần: Chất hữu cơ, bao bì, túi nilon, vỏ chai, vỏ hộp...

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình khai thác cát, sỏi phát sinh khoảng 2 - 3 kg/ngày. Thành phần: Rễ cây, cành lá thực vật,...

- Chất thải nguy hại phát sinh gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, ắc quy hỏng, pin thải, bóng đèn huỳnh quang,... Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 6,5 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện khai thác, vận chuyển, nguyên vật liệu và thành phẩm cát, sỏi.

3.5. Các tác động khác

- Tác động đến giao thông vận tải: Quá trình hoạt động của dự án sẽ làm gia tăng mật độ phương tiện vận chuyển trên tuyến đường giao thông nông thôn (từ khu vực dự án đến Quốc lộ 24), có thể gây hư hỏng xuống cấp đường giao thông trong khu vực.

- Tác động đến lòng, bờ, bãi sông: Làm tăng độ đục của môi trường nước, tác động đến hệ sinh thái dưới nước và ảnh hưởng tới dòng chảy; gây xói lở hai bên bờ sông nếu khai thác quá độ sâu cho phép, quá gần bờ, việc khai thác không đảm bảo đúng kỹ thuật, không đảm bảo khoảng cách khai thác theo quy định.

- Tác động do các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ, tràn dầu; sự cố tai nạn lao động; sự cố thiên tai...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh và công trình bể tự hoại 3 ngăn dung tích 6 m³ (gồm các ngăn chứa, ngăn lắng và ngăn lọc) để thu gom, xử lý; nước thải dẫn ra giếng thấm (có các lớp vật liệu cát, đá) và thấm đất.

- Nước mưa chảy tràn: Thu gom bằng rãnh thoát nước bằng đất kích thước 0,3mx0,3mx192m chạy xung quanh mặt bằng sân công nghiệp, đưa về 02 hố lắng bằng đất kích thước mỗi hố 2mx2mx1m thoát ra sông.

- Nước thải xây dựng được thu gom tập trung tại khu vực hố lắng có lót bạc kích thước 2mx0,5mx1m để lắng cặn, tiến hành vớt váng dầu; tháo nước thoát vào hệ thống thoát nước mưa.

4.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 6 m³ (gồm các ngăn chứa, ngăn lắng và ngăn lọc) đã có trong giai đoạn xây dựng. Nước thải được dẫn ra giếng thấm (có các lớp vật liệu cát, đá) và thấm đất.

- Nước mưa chảy tràn và nước lắng cát từ quá trình bơm cát, sỏi lên bãi chứa:

+ Nước mưa chảy tràn: Thu nước bằng mương thoát bằng đất được tạo trong quá trình xây dựng kích thước 0,3mx0,3mx192m, thu về 02 hố lắng kết cấu bằng rọ đá kích thước mỗi hố 2mx2mx1m (cải tạo hố lắng đã có trong giai đoạn xây dựng), nước qua hố lắng được dẫn ra sông bằng 02 đường ống HDPE D200m có chiều dài 11 m và 7,5 m.

+ Nước lắng cát từ quá trình bơm cát, sỏi lên bãi chứa: Thoát theo hệ thống thoát nước mưa.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước

thoát ra từ các hồ lắng phải đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.2. Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải

4.2.1. Giai đoạn xây dựng:

- Các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu (đất, cát, sỏi, xi măng,...) và xà bần phải được che phủ hợp lý để tránh phát tán bụi vào môi trường không khí.

- Phun nước làm ẩm khu vực mặt bằng sân công nghiệp khi san nền.

- Phun nước tưới ẩm trên tuyến đường giao thông nông thôn (từ khu vực dự án đến Quốc lộ 24), tần suất 02 lần/ngày.

- Kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng định kỳ các phương tiện máy móc thi công trên công trường, sử dụng các máy móc, thiết bị đã được đăng kiểm theo quy định. Bố trí thời gian thi công hợp lý cho các máy móc trên công trường; phân bố mật độ xe ra vào khu vực dự án một cách hợp lý, tránh ùn tắc giao thông.

4.2.2. Giai đoạn hoạt động:

- Các xe chuyên chở sản phẩm phải chở đúng trọng tải, trên có phủ bạt kín nhằm hạn chế tối đa các tác động của bụi, rơi vãi cát, sỏi.

- Phun nước tưới ẩm trên tuyến đường giao thông nông thôn (từ khu vực dự án đến Quốc lộ 24) và khu vực bốc xúc, tần suất 02 lần/ngày.

- Kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng định kỳ các phương tiện máy móc thi công trên công trường, sử dụng các máy móc, thiết bị đã được đăng kiểm theo quy định. Bố trí thời gian thi công hợp lý cho các máy móc; phân bố mật độ xe ra vào khu vực dự án một cách hợp lý, tránh ùn tắc giao thông.

- Tiến hành trồng một số loại cây xanh trong khuôn viên bãi tập kết nhằm tạo cảnh quan đồng thời cải thiện điều kiện vi khí hậu khu vực này.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý bụi và khí thải đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.3. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Sinh khối phát sinh: Gốc cây, thân cành cây,... cho người dân làm củi đốt; dây leo, lá cây được tập kết, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Chất thải rắn xây dựng: Bao bì xi măng, sắt thép,... sẽ thu gom, phân loại và bán cho cơ sở thu mua phế liệu để tái sử dụng.

- Chất thải rắn sinh hoạt (giai đoạn xây dựng và khai thác): Bố trí thùng rác để thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình khai thác: Rễ cây, cành lá thực vật,... tập kết và được thu gom, xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

- Xà bần phát sinh từ quá trình thi công, đất sỏi kém chất lượng phát sinh trong quá trình khai thác được tận dụng để gia cố mặt bằng sân công nghiệp và tu sửa tuyến đường vận chuyển.

- Bùn trong quá trình nạo vét mương, hồ lắng tận dụng để gia cố mặt bằng sân công nghiệp.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Thu gom, phân loại, tách riêng từng loại CTNH, dụng cụ lưu chứa bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường và được dán nhãn (tên CTNH, mã CTNH).

- Lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 6 m² và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng theo đúng định kỳ quy định.

- Bố trí thời gian khai thác, vận chuyển hợp lý trên khai trường.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thường làm việc để chống ồn, chống bụi.

- Quy định tốc độ của các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các thiết bị phát sinh tiếng ồn.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Phương án được lựa chọn:

Sau khi kết thúc khai thác tháo dỡ, thu dọn toàn bộ công trình phụ trợ, trang thiết bị, máy móc trên khu vực khai thác, sân công nghiệp, vận chuyển ra khỏi phạm vi dự án, san gạt mặt bằng sân công nghiệp, xử lý môi trường, duy tu tuyến đường vận chuyển. Cụ thể:

- Tháo dỡ, di dời các phương tiện, thiết bị ra khỏi khu vực khai thác gồm: 02 ghe; 01 bè; 03 bơm hút cát; đường ống, 08 phao ranh giới, 04 cột biển báo.

- Di dời các phương tiện, thiết bị bốc xúc, giám sát ra khỏi bãi tập kết, gồm 01 máy xúc lật bánh hơi; 01 máy đào gầu thuận bánh xích; camera và trạm cân.

- Tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ (*Nhà điều hành, nhà vệ sinh, kho chứa CTNH,...*); san lấp, khử khuẩn hầm tự hoại, dọn dẹp vệ sinh môi trường; san lấp giếng đào.

- Nạo vét mương thoát nước với tổng chiều dài 192m, 02 hồ lắng.

- San gạt, phục hồi môi trường khu vực sân công nghiệp trả lại đất cho người dân.

- Hằng năm và sau khi kết thúc khai thác, tiến hành tu sửa tuyến đường vận chuyển từ khu vực dự án đến Quốc lộ 24.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch thực hiện:

TT	Nội dung	Khối lượng thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác		
1	Tháo dỡ các thiết bị tại khu vực khai thác	Đường ống hút cát, 08 phao ranh giới, 04 cột biển báo với tổng khối lượng khoảng 0,5 tấn.	Sau khi kết thúc khai thác.
2	Vận chuyển các phương tiện, máy móc, thiết bị về khu tập kết của Công ty	- 02 ghe (10 tấn/ghe); 01 bè (08 tấn); 03 bơm hút cát (0,5 tấn/bơm); đường ống hút cát, 08 phao ranh giới, 04 cột biển báo (0,5 tấn). - Quãng đường vận chuyển: 20 km.	
II	Khu vực mặt bằng sân công nghiệp		
1	Tháo dỡ các hạng mục phụ trợ	Mái tôn diện tích 88 m ² ; cửa diện tích 13,6 m ² ; đài nước 0,5 tấn.	Sau khi kết thúc khai thác.
2	Phá dỡ tường bê tông	Tường bằng tấm bê tông nhẹ, tổng diện tích 271 m ² .	
3	Phá dỡ nền, móng trụ bê tông	Tổng khối lượng 22,96 m ³ , xà bần sẽ được sử dụng san lấp giếng đào, hầm tự hoại và tu sửa tuyến đường vận chuyển.	
4	Vận chuyển máy móc, thiết bị, vật dụng,... về khu tập kết của Công ty.	- Máy đào 11,2 tấn; máy xúc lật 5,8 tấn; trạm cân 10 tấn; mái tôn, cửa, bồn nước, trụ sắt,... khoảng 10 tấn. - Quãng đường vận chuyển: 20 km.	

TT	Nội dung	Khối lượng thực hiện	Thời gian thực hiện
5	San lấp giếng đào, hầm tự hoại; san gạt mặt bằng	- San lấp giếng đào và hầm tự hoại bằng xà bần từ phá dỡ nền móng với khối lượng khoảng 16,85 m ³ . - Xúc bốc lớp nền cát, sỏi tại khu tập kết 646 m ³ (dày 0,2m x 3.230m ²) và 6,11 m ³ xà bần còn lại sau khi san lấp giếng và hầm tự hoại chuyển đi đầm nén đường giao thông; san gạt mặt bằng khu vực sân công nghiệp trả lại đất cho người dân.	Sau khi kết thúc khai thác.
6	Nạo vét mương thoát nước, hố lắng	Mương dài 192 m, khối lượng nạo vét 5,76 m ³ (chiều sâu nạo vét 0,1m); 02 hố lắng (2mx2mx1m), khối lượng nạo vét 2,4 m ³ (chiều sâu nạo vét 0,3m).	
7	Vệ sinh môi trường	Dọn dẹp vệ sinh khu vực tháo dỡ công trình với diện tích 76 m ² ; khử khuẩn hầm tự hoại diện tích 4,5 m ² .	
8	San gạt mặt bằng	San gạt, phục hồi môi trường khu vực sân công nghiệp trả lại đất cho người dân.	
III	Duy tu tuyến đường vận chuyển		
1		- Hàng năm sử dụng cát sỏi tại bãi tập kết (khoảng 20 m ³ /năm) để tiến hành sửa chữa những vị trí hư hỏng trên đoạn đường vận chuyển. - Sau khi kết thúc khai thác: sử dụng cát, sỏi và xà bần (khoảng 652,11 m ³) để san gạt, đầm nén các vị trí bị hư hỏng trên đoạn đường vận chuyển.	Trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác.

c) Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 124.319.045 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng*).

- Số lần ký quỹ: 10 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 24.863.809 đồng (*Hai mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm linh chín đồng*).

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (*09 lần*): 11.050.582 đồng/lần (*Mười một triệu, không trăm năm mươi nghìn, năm trăm tám mươi hai đồng*).

Lưu ý: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp giấy phép khai thác khoáng sản, nếu thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt thì Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường để xem xét, điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ dự án nộp số tiền ký quỹ hàng năm phải tính đến yếu tố trượt giá và được

xác định bằng số tiền ký quỹ hằng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hằng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Ký quỹ lần đầu: Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ;

+ Việc ký quỹ các lần tiếp theo: Không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Tài khoản số: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

4.5.2. Biện pháp ứng phó với sự cố môi trường

a) Biện pháp giảm thiểu tác động đến tuyến đường giao thông:

- Xây dựng lịch trình, kế hoạch chuyên chở sản phẩm hợp lý.

- Các xe vận tải chuyên chở phải có thùng xe kín, phía trên phủ bạt nhằm tránh rơi vãi cát ra đường và tránh cát bay làm ảnh hưởng đến người tham gia giao thông.

- Chở đúng tải trọng của phương tiện vận chuyên và tải trọng cho phép của tuyến đường vận chuyên chính.

- Hạn chế tốc độ chạy qua khu đông dân đối với lái xe của mỏ và khuyến cáo các phương tiện tới mua vật liệu tại mỏ cùng thực hiện.

- Thường xuyên thu gom cát, sỏi rơi vãi trên tuyến đường gần mỏ.

- Cam kết khắc phục hư hỏng tuyến đường qua khu vực mỏ do công tác vận tải của mỏ gây ra. Có kế hoạch sửa chữa, duy tu những vị trí hư hỏng đảm bảo giao thông và an toàn giao thông trên tuyến đường trả lại hiện trạng gần như ban đầu.

b) Biện pháp phòng cháy chữa cháy:

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy phòng trường hợp có sự cố bất ngờ xảy ra. Khi có sự cố cháy nổ tại khu vực mỏ, phải sơ tán mọi người ra khu vực an toàn và tiến hành công tác chữa cháy tại chỗ.

c) Về an toàn lao động:

- Lắp đặt các biển báo an toàn tại những khu vực nguy hiểm.

- Xây dựng, chuẩn bị phương án, dụng cụ cấp cứu kịp thời khi xảy ra tai nạn.

- Kiểm soát an toàn lao động và an ninh xã hội cùng với các cơ quan chính quyền địa phương trong suốt quá trình thực hiện dự án.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của công nhân lao động khi làm việc.
- Xây dựng nội quy lao động, nội quy sử dụng trang thiết bị kỹ thuật. Tuyên truyền giáo dục về nội quy lao động, nội quy sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật; trang bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân; phân công người đảm nhiệm việc kiểm tra, giám sát, xử lý việc thực hiện nội quy lao động.

d) Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ dầu mỡ:

- Thường xuyên kiểm tra thùng chứa nhiên liệu để hạn chế rò rỉ dầu.
- Trang bị phao quây thấm dầu tràn trên bè, ghe hút để phòng ngừa trong trường hợp sự cố xảy ra; bố trí giẻ lau, vải thấm dầu để thấm hút lượng dầu rơi vãi, rò rỉ trên ghe, bè. Lượng giẻ lau sau khi thấm hút xong được lưu trữ tại thùng chứa đặt tại kho chứa CTNH.

- Khi có sự cố tràn dầu xảy ra cần: Tạm dừng tất cả các hoạt động và thông báo cho cán bộ chỉ huy tại hiện trường để có phương án xử lý phù hợp. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương hỗ trợ trong công tác xử lý sự cố.

đ) Biện pháp giảm tác động đến lòng, bờ, bãi sông:

- Hoạt động khai thác phải tuân thủ theo các nội dung quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Tuân thủ các quy định về khoảng cách khai thác an toàn đối với bờ sông. Cắm mốc các điểm góc ranh giới khu vực khai trường trước khi tiến hành khai thác để đảm bảo khai thác đúng ranh giới cho phép. Chiều sâu khai thác đúng theo giấy phép khai thác quy định.

- Thiết kế và bố trí khoảnh khai thác với sản lượng phù hợp cho từng năm trong quá trình khai thác.

- Trong quá trình mở hoạt động cần định kỳ giám sát sạt lở, sụt lún hàng ngày để kịp thời gia cố, sửa chữa đảm bảo an toàn cho người và thiết bị khi làm việc tại mỏ cũng như an toàn cho môi trường, tránh xảy ra các sự cố môi trường do vấn đề trượt lở, sụt lún gây nên.

- Tập kết cát, sỏi đúng quy trình, xung quanh bãi tập kết được thiết kế hệ thống rãnh thoát nước để đảm bảo thoát nước. Để ngăn cát từ bãi tập kết trượt lở xuống sông, đồng thời ngăn sạt lở tại khu vực tiếp giáp giữa mặt bằng sân công nghiệp và bờ sông: Tiến hành xây dựng bờ chắn bằng kè rọ đá chiều dài 66m tại vị trí tiếp giáp, kích thước mỗi rọ đá 2mx0,5m x1m.

- Giữ lại các bụi tre gần khu vực bờ sông để giảm khả năng sạt lở bờ sông.

- Trường hợp nếu xảy ra sự cố sạt lở bờ sông, bồi lắng bờ sông do mưa lũ trong thời gian triển khai dự án, Chủ dự án cam kết thực hiện biện pháp khắc phục kịp thời, cụ thể: Ngừng hoạt động khai thác cát tạm thời ngay sau khi phát hiện sạt lở thông báo với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để kiểm tra, giám sát; thực hiện các biện pháp gia cố bờ sông và nạo vét lòng sông theo yêu cầu của cơ

quan chuyên môn cấp tỉnh ngay khi có ý kiến chỉ đạo; hoạt động khai thác trở lại khi được sự cho phép để đảm bảo yêu cầu về chống, sạt lở bờ sông.

e) Biện pháp phòng ngừa sự cố do thiên tai:

Trong thời gian mưa lũ, Công ty phải chấp hành nghiêm chỉnh và tuân thủ đúng theo các quy định như sau:

- Khi có mưa lũ xảy ra phải dừng ngay hoạt động khai thác trên khai trường và khu vực bãi tập kết.

- Không tiến hành khai thác vào những ngày mưa lũ.

- Công ty sẽ thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng để có biện pháp di chuyển toàn bộ máy móc ra khỏi khu vực khai thác khi xảy ra mưa lũ và tiến hành giám sát bờ suối khu vực khai thác để kịp thời phát hiện và xử lý. Khi xảy ra sự cố sẽ ngừng mọi hoạt động khai thác, tập trung khắc phục sự cố đảm bảo an toàn mới tiếp tục đưa thiết bị vào hoạt động tiếp.

- Nghiêm cấm công nhân không được vào khai trường trong những ngày mưa lũ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý:

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường của dự án, thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, tổ chức quan trắc giám sát chất thải theo quy định.

5.2. Giám sát môi trường:

5.2.1. Giai đoạn xây dựng:

- Môi trường không khí:

- + Các thông số giám sát: Vi khí hậu, Bụi, CO, tiếng ồn, độ rung.

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại bãi tập kết và công trình phụ trợ.

- + Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

5.2.2. Giai đoạn vận hành:

a) Môi trường không khí:

- + Các thông số giám sát: Độ rung, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂.

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí: Tại vị trí khu vực khu vực bãi tập kết.
- + Số lượng mẫu: 01 mẫu.
- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Môi trường nước mặt

- Các thông số giám sát: pH, TSS, DO, COD, BOD₅, N Tổng, P tổng, Fe, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí, tại sông Đăk Bla về phía hạ lưu 50m so với khu vực khai thác.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

c) Nước tại hố lắng:

- Các thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅²⁰, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Vị trí giám sát: Tại 02 hố lắng trước khi thoát nước ra sông.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.2.3. Giám sát môi trường giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Môi trường không khí:

- Các thông số giám sát: Vi khí hậu, bụi, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại Bãi tập kết và công trình phụ trợ:

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

b) Giám sát môi trường nước mặt:

- Các thông số giám sát: pH, TSS, DO, COD, BOD₅, N Tổng, P tổng, Fe, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí, tại sông Đăk Bla về phía hạ lưu 50m so với khu vực khai thác.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

5.3.1. Chất thải rắn xây dựng (phát sinh trong giai đoạn xây dựng của dự án):

- Quản lý chất thải rắn xây dựng theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Tần suất: Chủ dự án thực hiện giám sát thường xuyên.

5.3.2. Chất thải rắn thông thường:

- Giám sát thành phần, khối lượng và biện pháp xử lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất: Chủ dự án thực hiện giám sát thường xuyên.

5.3.3. Chất thải nguy hại:

- Giám sát khối lượng, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất: Chủ dự án thực hiện giám sát thường xuyên.

5.4. Giám sát các vấn đề môi trường khác:

- Giám sát các hiện tượng trượt, lở, lún, xói lở, bồi lắng, sự thay đổi mực nước mặt.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực khai trường và bãi tập kết, công trình phụ trợ.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học, Luật Lâm

nghiệp, Luật Xây dựng, Luật thủy lợi, Pháp luật về phòng chống thiên tai... và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Chỉ được phép thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản sau khi được cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định pháp luật; Tổ chức khai thác theo đúng phương pháp, quy trình kỹ thuật, tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất... được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Thực hiện các quy định về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông đối với hoạt động khai thác cát sỏi lòng sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; phải thiết lập hệ thống và thực hiện quan trắc, giám sát tác động xói lở lòng, bờ sông theo quy định.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy theo quy định và tuân thủ công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến đối tượng xung quanh.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện báo cáo định kỳ về quan trắc và giám sát môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại, kết quả giám sát và phục hồi môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện thủ tục pháp lý về Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Ủy ban nhân dân xã Đắk Tô Re, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Đắk Tô Re và những yêu cầu của người dân tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án. /.

.....